

Bản dịch Bảng dữ liệu dự án này dựa trên bản gốc bằng Tiếng Anh ra ngày 3 tháng 3 năm 2014.



Bảng Dữ liệu Dự án

Bảng Dữ liệu Dự án (PDS) bao gồm các thông tin tóm tắt về một dự án hoặc một chương trình cụ thể. Do Bảng Dữ liệu Dự án mô tả các hoạt động đang trong quá trình thực hiện nên một số thông tin có thể chưa được đưa vào bảng dữ liệu đầu tiên, những thông tin này sẽ được bổ sung khi có dữ liệu. Các thông tin về dự án đề xuất chỉ mang tính dự báo.

Ngày đăng Bảng Dữ liệu Dự án –

Ngày cập nhật Bảng Dữ liệu Dự án 29 tháng 1 năm 2014

Tên Dự án Phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ - Giai đoạn II

Quốc gia Việt Nam

Mã số Dự án/Chương trình 41360-014

Trạng thái của Dự án Đã được phê duyệt

Địa điểm Dự án –

Trong quá trình chuẩn bị bất kỳ chiến lược đối tác quốc gia, tài trợ dự án, hoặc khi đề cập, hoặc khi nêu danh hoặc tham chiếu tới bất kỳ vùng lãnh thổ hoặc địa bàn cụ thể nào trong văn kiện này, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) không có ý định đưa ra bất kỳ nhận định nào về tình trạng pháp lý hay bất kỳ hiện trạng nào của vùng lãnh thổ hoặc địa bàn đó.

Phân ngành/tiểu ngành Tài chính
/ Tài chính & cho thuê doanh nghiệp nhỏ và vừa

Phân loại theo chủ đề Tăng trưởng kinh tế
Quản trị điều hành
Phát triển khu vực tư nhân

Phân loại về Lồng ghép Giới Lồng ghép giới hiệu quả

■ Tài trợ

Phương thức Hỗ trợ	Mã số phê duyệt	Nguồn tài trợ	Giá trị tài trợ được phê duyệt (ngàn \$)
Khoản vay	3050	Quỹ Phát triển Châu Á	50,000
TỔNG GIÁ TRỊ			50,000 ngàn đô la Mỹ

■ Các tiêu chí Bảo trợ xã hội

Để biết thêm thông tin về các tiêu chí bảo trợ xã hội, mời truy cập đường link sau <http://www.adb.org/site/safeguards/safeguard-categories>

Môi trường	Chương trình lần thứ nhất của phương pháp tiếp cận theo ngành này được phân loại C. Chương trình lần hai cũng không kèm theo bất kỳ cải cách chính sách nào trong ma trận chính sách của khoản vay với dự kiến có tác động đến môi trường.
Tái định cư bắt buộc	Ma trận chính sách của khoản vay đề xuất dựa theo chính sách không kèm theo bất kỳ hành động chính sách nào có thể dẫn tới tái định cư. Chương trình lần thứ nhất của phương pháp tiếp cận theo ngành này được phân loại C.
Dân tộc Bản địa	Khoản vay dựa theo chính sách cung cấp hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam thông qua tăng cường các khuôn khổ pháp lý và chính sách, cải thiện tiếp cận tín dụng, củng cố khuôn khổ chính sách về cạnh tranh và cải thiện các hệ thống hành chính hỗ trợ cho hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Ma trận chính sách của khoản vay không kèm theo các biện pháp chính sách dự kiến có tác động đến người dân tộc bản địa.

■ Tóm tắt các vấn đề xã hội và môi trường

Các khía cạnh về môi trường

Chương trình lần thứ nhất của phương pháp tiếp cận theo ngành này được phân loại C. Chương trình lần hai cũng không kèm theo bất kỳ cải cách chính sách nào trong ma trận chính sách của khoản vay với dự kiến có tác động đến môi trường.

Tái định cư bắt buộc

Ma trận chính sách của khoản vay đề xuất dựa theo chính sách không kèm theo bất kỳ hành động chính sách nào có thể dẫn tới tái định cư. Chương trình lần thứ nhất của phương pháp tiếp cận theo ngành này được phân loại C.

Dân tộc Bản địa

Khoản vay dựa theo chính sách cung cấp hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam thông qua tăng cường các khuôn khổ pháp lý và chính sách, cải thiện tiếp cận tín dụng, củng cố khuôn khổ chính sách về cạnh tranh và cải thiện các hệ thống hành chính hỗ trợ cho hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Ma trận chính sách của khoản vay không kèm theo các biện pháp chính sách dự kiến có tác động đến người dân tộc bản địa.

■ Tham vấn, Sự tham gia và Truyền thông với các bên liên quan

Trong quá trình thiết kế dự án

–

Trong quá trình thực hiện Dự án

–

■ Mô tả Dự án

Dự án sẽ hỗ trợ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ và bền vững thông qua việc trợ giúp sự phát triển và tính cạnh tranh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam. Dự án cũng sẽ hỗ trợ các nỗ lực cải cách của Chính phủ thông qua (i) tăng cường khuôn khổ lập kế hoạch và khuôn khổ chính sách phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ; (ii) cải thiện tính hiệu quả của các hệ thống hành chính hỗ trợ sự phát triển và vận hành các doanh nghiệp vừa và nhỏ; (iii) củng cố khuôn khổ pháp lý chính sách cạnh tranh; và (iv) tăng cường tiếp cận tài chính cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

■ Lý do lựa chọn Dự án và Mối liên hệ với Chiến lược Quốc gia/ Chiến lược Khu vực

Mức độ lớn mạnh của đầu tư tư nhân sẽ tiếp tục giữ vai trò thiết yếu nhằm đạt được tỉ lệ tăng trưởng kinh tế hàng năm từ 7% đến 8% và tạo ra 8 triệu việc làm như mục tiêu đã đề ra trong Chiến lược Phát triển Kinh tế - Xã hội giai đoạn 2011-2020 của Việt Nam. Sự đóng góp này dự kiến bắt nguồn từ khu vực tư nhân trong nước vốn phần lớn là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Kể từ năm 2000, Chính phủ hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ bằng một loạt các cải cách chính sách quan trọng. Kết quả là, vào cuối năm 2011, có gần 550.000 doanh nghiệp đăng ký hoạt động, so với 14.500 doanh nghiệp vào năm 2000.

Doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm 97% tổng số các doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam, và đóng góp 46% cho GDP. Khu vực tư nhân trong nước chiếm 59% tổng số việc làm vào năm 2011 gia tăng so với mức 29% vào năm 2000. Trong ngành công nghiệp, bán lẻ và bán sỉ, lĩnh vực sửa chữa phương tiện giao thông chiếm gần 40% tổng số các doanh nghiệp đăng ký, theo sau đó là lĩnh vực sản xuất (18%) và xây dựng (16%). Tiếp theo sự gia tăng mạnh mẽ số lượng các công ty tư nhân kể từ khi Luật Doanh nghiệp được thông qua năm 2000 là sự gia tăng bền vững trong quy mô và sản lượng của các doanh nghiệp. Trong giai đoạn 2000 và 2010, tỉ lệ đầu tư trung bình/doanh nghiệp tăng 6 lần, doanh thu ròng trung bình/nhân công tăng 3 lần. Hơn nữa, sự đóng góp của doanh nghiệp vừa và nhỏ vào nguồn thu thuế đang ngày càng trở nên quan trọng. Vào cuối năm 2010, 336.000 doanh nghiệp đóng thuế trong đó có 318.000 doanh nghiệp tư nhân, 13.000 doanh nghiệp tư nhân nước ngoài, và khoảng 5.000 doanh nghiệp quốc doanh.

Trong khi những thành tựu của Chính phủ là rất ấn tượng, thì vẫn cần phải làm nhiều hơn nữa nhằm hỗ trợ sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở một quy mô lớn hơn. Ví dụ, quy mô trung bình của một doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn nhỏ với 22 nhân công/doanh nghiệp, với vốn đầu tư trung bình đạt 17,6 tỷ đồng (khoảng 900.000 đô la Mỹ). Các doanh nghiệp vừa và nhỏ hiện đang đối mặt với nhiều thách thức như sự quan liêu phức tạp, các vướng mắc về pháp lý, thiếu vốn. Cải thiện đối thoại giữa các bên liên quan và cơ sở thống kê cho việc xây dựng chính sách.

Sự tham gia của khối tư nhân và các bên liên quan khác trong việc thiết kế và vận hành các chính sách dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ đang còn bất hợp lý do các khuôn khổ tham vấn hiện hành còn hạn chế. Các bên liên quan không tham gia vào đánh giá các chính sách cũ, hoạch định các kế hoạch chiến lược mới, cũng như hoạt động cải thiện cơ sở thống kê hoạch định chính sách, đặc biệt là việc lồng ghép bổ sung các chỉ số về giới. Những khó khăn lớn về thủ tục hành chính tiếp tục là một thử thách. Mặc dù từ năm 2000 đã có nhiều cải thiện trong việc đơn giản hóa các thủ tục hành chính đăng ký hoạt động doanh nghiệp, tuy nhiên những khó khăn lớn về thủ tục hành chính quan trọng vẫn tồn đọng. Tổng số quy định tác động tới hoạt động của các doanh nghiệp tại Việt Nam gia tăng đáng kể trong khoảng từ năm 2005 đến 2009. Trong giai đoạn này, Việt Nam đã ban hành nhiều quy định pháp lý (17.164 quy định) tác động tới các doanh nghiệp hơn cả 18 năm cộng lại. Kết quả là, Chính phủ bắt đầu triển khai Dự án 30 với mục tiêu đặc biệt nhằm đơn giản hóa gần 5.000 thủ tục hành chính quy định các hoạt động kinh doanh ở cấp quốc gia và cấp địa phương. Đơn giản hóa các thủ tục hải quan và quy trình đóng thuế được xác định là rất quan trọng. Ví dụ, các doanh nghiệp tư nhân phải nộp kê khai thuế VAT hàng tháng.

Quy trình thông quan hàng hóa có thể mất cả một ngày do việc kê khai được con người xử lý. Hơn nữa, thông tin trao đổi giữa Kho bạc và các ngân hàng thương mại vẫn còn bất hợp lý gây cản trở tới việc thông quan hàng hóa sau khi các khoản phí đã được trả.

Mức thuế phí cao cũng là 1 trở ngại về chi phí.

Gánh nặng hành chính áp lên các hoạt động kinh doanh được thể hiện qua những chi phí về thuế và lệ phí cao. Nhìn chung, một doanh nghiệp phải dành 941 giờ để hoàn tất các thủ tục nộp thuế (32 giờ/năm) điều này đã xếp Việt Nam vào vị trí 151 trên tổng 183 quốc gia trong cuốn Báo cáo Kinh doanh 2012. Ngoài những cải thiện gần đây, thì số lượng giấy tờ cần thiết để nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam vẫn nằm trên mức yêu cầu trung bình của khu vực, chi phí cho việc nhập khẩu hàng hóa cũng gia tăng dần đều.

Một khuôn khổ pháp lý bất hợp lý.

Chính phủ đang cần phải cải thiện chất lượng của các văn bản pháp luật đưa ra các khuôn khổ pháp lý cho sự phát triển của thương mại. Một số lượng lớn các văn bản pháp lý hiện đang được áp dụng đều có nhiều bất cập cần phải giải quyết, các thủ tục hành chính cũng cần phải được đơn giản hóa. Hơn nữa, các cơ chế mới là cần thiết để xác định chi phí và lợi ích liên đới tới việc ban hành các quy định nhằm lọc bớt các thủ tục kém hiệu quả hay những thủ tục mưu tìm đặc lợi.

Hạn chế tiếp cận với các dịch vụ pháp lý.

Ngày càng có nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ đề cập tới việc bị hạn chế tiếp cận tới các dịch vụ pháp lý như một trong những trở ngại cản trở phát triển doanh nghiệp. Đặc biệt rõ nét trong những khúc mắc về đất đai và trong cả những hạn chế tiếp cận với những hướng dẫn về pháp lý và pháp luật nói chung. Chính phủ cũng xác định việc sửa đổi luật Cạnh tranh là một ưu tiên pháp lý quan trọng và sẽ hoàn thành đánh giá việc thực thi luật này trong 5 năm qua, đánh giá này sẽ được coi là cơ sở cho việc soạn thảo sửa đổi luật.

Những luật lệ đã không còn phù hợp.

Một đánh giá toàn diện khuôn khổ chính sách cạnh tranh trong 5 năm qua là cần thiết. Khuôn khổ pháp lý cho thấy sự yếu kém trong những tiêu chí xác định vị thế thị trường chi phối cũng như hệ thống xử phạt và các biện pháp cưỡng chế thực thi không đủ mạnh để ngăn chặn hành vi vi phạm luật. Kinh nghiệm của Việt Nam trong việc áp dụng luật Cạnh tranh cũng còn hạn chế, do vậy cần ưu tiên phổ biến nội dung luật.

Hạn chế tiếp cận với nguồn vốn.

Tăng trưởng nhanh chóng trong lĩnh vực tài chính của Việt Nam không mang lại lợi ích đồng đều cho mọi thành phần kinh tế. Thực tế, tiếp cận với nguồn tài chính được chỉ ra như một cản trở lớn nhất đối với 45% các doanh nghiệp nhỏ, đối với các doanh nghiệp lớn thì con số này còn cao hơn. Một báo cáo đánh giá của Chính phủ đã nêu 65% các doanh nghiệp trong ngành sản xuất phụ thuộc vào lợi nhuận giữ lại để tài trợ đầu tư. Các nhóm doanh nghiệp nhỏ khác chiếm 5-10% tổng số doanh nghiệp vừa và nhỏ thì tìm kiếm tín dụng từ các ngân hàng. Nhìn chung, vào cuối năm 2012, khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm khoảng 28% tổng vốn tín dụng, con số này là khá nhỏ so với đóng góp 46% GDP của khu vực này. Lựa chọn các quy định hỗ trợ thủ tục cho vay trong các ngân hàng thương mại quốc doanh tiếp tục phân biệt đối xử với các bên vay thuộc khu vực tư nhân và dành ưu đãi cho các doanh nghiệp nhà nước. Những thách thức vốn có trong việc sử dụng tài sản thế chấp càng trầm trọng thêm bởi những khuôn khổ pháp lý hiện hành vẫn hạn chế các phương thức vay không có tài sản thế chấp ví như dịch vụ cho thuê. Ngoài ra, khối ngân hàng thương mại ưu tiên các thông lệ cũ trong việc định giá tài sản thế chấp và các điều khoản khoản vay, điều này càng hạn chế hơn nữa các lựa chọn tài chính.

Chương trình cải cách của Chính phủ.

Gỡ bỏ những rào cản để phát triển hơn nữa khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn tiếp tục là trụ cột chính trong Chiến lược Phát triển Kinh tế - Xã hội giai đoạn 2011-2020 cũng như trong Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội giai đoạn 2011-2015 của Chính phủ. Tăng trưởng khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp tục giữ vai trò then chốt nhằm khắc phục những kim chế tăng trưởng cơ cấu do khối doanh nghiệp

nhà nước đang chiếm ưu thế mang lại cho nền kinh tế của Việt Nam. Khó khăn này vẫn dành được ưu đãi về nguồn tài chính từ các nguồn vốn công, bất chấp tỷ lệ hoàn vốn đầu tư thấp và số lượng việc làm được tạo ra ở mức trung bình. Doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể đóng vai trò chủ đạo trong việc cải thiện tính hiệu quả của nền kinh tế cũng như cải thiện năng suất bền vững. Tiềm năng của khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc tạo ra việc làm đặt ra nhu cầu cần phải hỗ trợ cải thiện tiếp cận với tài chính và đất đai, trong khi vẫn duy trì cải thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài ra tăng trưởng về năng suất trong tương lai sẽ phần lớn phụ thuộc vào sự nâng cấp về kỹ thuật và tay nghề của khu vực tư nhân trong nước.

■ Tác động Phát triển

Gia tăng sự đóng góp của khu vực tư nhân cũng như các doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ hỗ trợ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ và bền vững

■ Kết quả Dự án

Mô tả Kết quả	Tiến độ thực hiện
–	–

■ Đầu ra của Dự án và Tiến độ Thực hiện

Mô tả Đầu ra của Dự án	Tình hình Tiến độ Thực hiện (Đầu ra, Hoạt động, và Các vấn đề)
–	–
Tiến độ Thực hiện Các mục tiêu Phát triển	Những thay đổi cơ bản
–	–

■ Các cơ hội cung cấp sản phẩm/dịch vụ cho Dự án

Ngày đăng quảng cáo đầu tiên	–
Các dịch vụ tư vấn	–
Mua sắm	–
Thông báo Dịch vụ Tư vấn và Mua sắm	
http://www.adb.org/projects/41360-014/business-opportunities	

Lịch trình

Ngày thông qua Đề cương dự án	30 tháng 7 năm 2012
Đoàn tìm hiểu thực tế	08 tháng 4 năm 2013 đến 12 tháng 4 năm 2013
Họp thẩm định của ADB	28 tháng 5 năm 2013
Ngày phê duyệt	23 tháng 10 năm 2013

Các mốc thời gian

Mã số phê duyệt	Ngày phê duyệt	Ký kết	Khoản vay có hiệu lực	Đóng tài khoản Dự án		
				Dự kiến ban đầu	Điều chỉnh	Thực tế
Khoản vay 3050	23 tháng 10 năm 2013	22 tháng 11 năm 2013	–	31 tháng 3 năm 2014	–	–

Tiến độ Giải ngân và Trao thầu

Ngày	Mã số phê duyệt	ADB (ngàn \$)	Các bên khác (ngàn \$)	Phần trăm đạt được
Cộng dồn Trao thầu				
27 tháng 2 năm 2014	Khoản vay 3050	0	0	0.00%
Cộng dồn Giải ngân				
27 tháng 1 năm 2014	Khoản vay 3050	0	0	0.00%

Tình hình Thực hiện Các điều khoản

Các điều khoản được phân loại như sau: báo cáo tài chính dự án được kiểm toán, chính sách an toàn, các điều khoản xã hội, ngành, tài chính, kinh tế và các điều khoản khác. Việc thực hiện các điều khoản được đánh giá như sau: (i) Đạt – tất cả các điều khoản của từng loại được thực hiện, cho phép tối đa một điều khoản chưa được thực hiện, (ii) Đạt một phần – cho phép tối đa hai điều khoản trong loại đó chưa được thực hiện; (iii) Không đạt – có hơn 3 điều khoản trong loại đó chưa được thực hiện. Theo Chính sách Truyền thông 2011, xếp hạng về tuân thủ các điều khoản dành cho Bảng kê Tài chính Dự án chỉ được áp dụng cho các dự án có thư mời đàm phán sau ngày 2 tháng 4 năm 2012.

Mã số phê duyệt	Tiêu chí						
	Ngành	Xã hội	Tài chính	Kinh tế	Tiêu chí khác	Bảo trợ xã hội	Bảng kê tài chính dự án
Khoản vay 3050	–	–	–	–	–	–	–

■ Thông tin liên lạc và Chi tiết cập nhật

Cán bộ ADB phụ trách Dự án	Juan Gomez Reino (jlgomez@adb.org)
Vụ phụ trách Dự án	Vụ Đông Nam Á
Ban phụ trách Dự án	Ban Thương mại, Tài chính và Quản lý công, Vụ Đông Nam Á
Cơ quan chủ quản Dự án	–

■ Các liên kết mạng

Trang web của Dự án	http://www.adb.org/projects/41360-014/main
Danh sách các tài liệu Dự án	http://www.adb.org/projects/41360-014/documents
